TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KT
TỈNH KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HS-ST.
Ngày: 19/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KT - TỈNH KT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Tiến và Nguyễn Thị Hiệp.
- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kt, tỉnh Kt.
- Đại diện Viện kiểm sát *nhân dân Thành phố Kt tham gia phiên toà*: Bà Võ Thị Cẩm Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19/02/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kt, tỉnh Kt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2025/TLST-HS ngày 09/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Ng C(tên gọi khác: **Lơ**), sinh ngày 30/11/1992 tại Kt; nơi thường trú: 54 Phan Văn Viêm, Tổ 2, phường Ng T, thành phố Kt, tỉnh Kt; nghề nghiệp: Không; học vấn: 10/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chú giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn M V, sinh năm 1966 và bà Ngô Thị T t, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ con; bị cáo là con út trong gia đình có 05 anh chị. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân:

- Năm 2013 bị TAND TP Kt xử phạt 24 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (đã xóa án tích);
- Năm 2014 bị TAND TP Kt xử phạt 30 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (đã xóa án tích);
- Năm 2021, bị Công an phường Ng T xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (đã chấp hành).

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2024 đến nay có mặt.

- Bị hại: 1/ Ông Nguyễn M V, sinh năm 1966;
2/ Bà Ngô Thị T t, sin h năm 1968.
Cùng địa chỉ: 54 Phan Văn Viêm, Tổ 2, phường Ng T, thành phố Kt, tỉnh Kt, cùng có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Dương H T, sinh năm 1982;
2/ Bà Nguyễn Thị K L, sinh năm 1982.
Cùng địa chỉ: 148 Lê Lợi, thành phố Kt, tỉnh Kt, cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Ng Clà con đẻ của vợ chồng bà Ngô Thị T t và ông Nguyễn M V (sau đây viết tắt: vợ chồng bà Thanh). Ngày 05/8/2024, Cảnh mượn xe và giấy đăng ký xe mô tô BKS 82AA-106.35 của vợ chồng bà Thanh đi công việc. Sau khi xong công việc, Cảnh không có tiền nên nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô lấy tiền tiêu xài. Cảnh đem xe mô tô đến cơ sở "Dịch vụ cầm đồ Loan Tuấn" địa chỉ: 148 (118 cũ) Lê Lợi, thành phố Kt, tỉnh Kt do ông Dương H T là chủ tiệm, để cầm cố lấy 6.000.000 đồng (*Ngày 05/8 lấy 02 lần, lần thứ nhất Cảnh lấy 3 triệu đồng, lần hai lấy 2 triệu đồng; sang ngày 06/8 Cảnh đến yêu cầu được lấy thêm 1 triệu đồng*). Ông Tuấn trực tiếp ký hợp đồng cầm cố xe với Cảnh, nhưng người trực tiếp giao dịch với Cảnh để nhận cầm cố xe là bà Nguyễn Thị K L, là vợ ông Tuấn. Khi bà Loan kiểm tra Đăng ký xe thấy chủ sở hữu xe là ông Văn, thì Cảnh nói dối bà Loan là ông Văn bận công việc không đi được nên nhờ Cảnh đem xe cầm cố, nên bà Loan tin lời nói của Cảnh và đồng ý cho cầm cố. Sau khi cầm cố xe, Cảnh nói dối bà Thanh là xe đang để ở kho của công ty. Vợ chồng bà Thanh nhiều lần yêu cầu Cảnh trả lại xe nhưng Cảnh không trả, đến ngày 12/9/2024 ông Văn làm đơn tố cáo hành vi của Cảnh đến cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản, kết luận: Trị giá xe mô tô BKS 82AA-106.35 là 13.755.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSTPKT ngày 09/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt truy tố bị cáo Cảnh về tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thành phố Kt, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kt, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[1] *Xét hành vi bị truy tố*: Ngày 05/8/2024 bị cáo Nguyễn Ng Cmượn xe mô tô BKS 82AA-106.35 của vợ chồng bà Thanh (ông Văn đứng tên chủ sở hữu trong Giấy chứng nhận đăng ký xe) để đi công việc. Sau khi xong công việc, Cảnh không có tiền nên cầm cố xe mô tô cho ông Dương H T là chủ cơ sở "Dịch vụ cầm đồ Loan Tuấn" địa chỉ: 148 (118 cũ) Lê Lợi, thành phố Kt lấy số tiền 6.000.000 đồng và tiêu xài hết. Để cầm cố được xe, Cảnh nói dối là ông Văn nhờ Cảnh mang xe đi cầm cố. Sau khi cầm cố xe, Cảnh nói dối bà Thanh là xe đang để ở kho của công ty nơi Cảnh làm việc. Hành vi này của bị cáo là hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt xe mô tô của vợ chồng bà Thanh. Thực tế, sau khi cầm cố được xe, Cảnh không chuộc xe để trả lại cho vợ chồng bà Thanh, mặc dù vợ chồng bà Thanh đã yêu cầu nhiều lần. Trị giá xe tại thời điểm chiếm đoạt là 13.755.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS; Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng luật.

[2] *Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo*:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Kt.

[3] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

- Bị cáo thành khẩn khai báo, trả tiền cầm cố để lấy xe trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2013 và 2014 bị kết án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Cố ý gây thương tích"; năm 2021 bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

[4] Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo; xét tình hình các tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản trên địa bàn thành phố Kt. Cần thiết phải xử phạt nghiêm minh, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Các vấn đề khác:

- *Xử lý vật chứng*: Cơ quan CSĐT đã trả lại xe mô tô BKS 82 AA-106.35 và Giấy chứng nhận đăng ký xe cho vợ chồng bà Thanh là đúng luật.

- *Trách nhiệm dân sự*: Ông Tuấn và vợ chồng bà Thanh không yêu cầu về TNDS, nên không xem xét.

- *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ng C**(tên gọi khác: **Lơ**) phạm tội

"*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

2. *Hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ng C(tên gọi khác: Lơ): **12** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 30/10/2024.

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Ng C(tên gọi khác: Lơ) phải chịu **200.000** (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/02/2025). Người liên quan vắng mặt thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lện Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kt;
- VKSND tp. Kt;
- Công an tp. Kt;
- Chi cục THADS tp. Kt;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Hoài